

GIÁ KHỞI ĐIỂM ĐỂ TỔ CHỨC ĐẤU GIÁ QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT CHO NHÂN DÂN LÀM NHÀ Ở
TẠI KHU DÂN CƯ TẬP TRUNG XÃ ĐẠI THẮNG, HUYỆN VỤ BẢN, TỈNH NAM ĐỊNH NAY LÀ XÃ LIÊN MINH, TỈNH NINH BÌNH NĂM 2025
(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày /10/2025 của UBND xã Liên Minh)

STT	Vị trí	Lô đất	Khu vực	Bề rộng Hè - Đường - Hè (m)	Số lô	Diện tích (m2)	Giá khởi điểm (đ/m2)	Thành tiền (đồng)	Ghi chú
1	LK-01	01-12	Tuyến đường N2	4,0-7,5-4,0	12	1.200,0	7.000.000	8.400.000.000	
2	LK-02	01-10	Tuyến đường N2	4,0-7,5-4,0	12	1.200,0	7.000.000	8.400.000.000	
3	LK-03	07	Tuyến đường N2	4,0-7,5-4,0	1	205,0	7.700.000	1.578.500.000	lô góc
4	LK-03	01-06	Tuyến đường N2	4,0-7,5-4,0	6	600,0	7.000.000	4.200.000.000	
5	LK-04	01, 10	Đường gom	4,0 (hè) + 13,5 (mặt đường 7,5 m + 6,0m giải phân cách mềm) + đường bờ sông Hùng Vương	2	210,8	8.800.000	1.855.040.000	lô góc
6	LK-04	02-9	Đường gom	4,0 (hè) + 13,5 (mặt đường 7,5 m + 6,0m giải phân cách mềm) + đường bờ sông Hùng Vương	8	864,0	8.000.000	6.912.000.000	
7	LK - 05	02-9	Tuyến đường D1	4,0-7,5-4,0	8	864,0	7.000.000	6.048.000.000	
8	LK - 05	01, 10	Tuyến đường D1	4,0-7,5-4,0	2	210,8	7.700.000	1.623.160.000	lô góc
9	LK - 06	01;10	Tuyến đường D1	4,0-7,5-4,0	2	210,8	7.700.000	1.623.160.000	lô góc
10	LK - 06	02-09	Tuyến đường D1	4,0-7,5-4,0	8	864,0	7.000.000	6.048.000.000	
11	BT-01	01,04	Tuyến đường D2	4,0-7,5-4,0	2	534,8	7.700.000	4.117.960.000	Lô góc
12	BT -01	02,03	Tuyến đường D2	4,0-7,5-4,0	2	540,0	7.000.000	3.780.000.000	
13	LK-07	01,10	Tuyến đường D4	4,0 - 7,5 - 2,0	2	396,0	7.700.000	3.049.200.000	lô góc
14	LK-07	02-08	Tuyến đường D4	4,0 - 7,5 - 2,0	8	800,0	7.000.000	5.600.000.000	
15	BT-02	01,04	Tuyến đường D3	4,0-7,5-4,0	2	534,8	7.700.000	4.117.960.000	lô góc
16	BT-02	02,03	Tuyến đường D3	4,0-7,5-4,0	2	540,0	7.000.000	3.780.000.000	
17	LK-08	01	Đường gom	4,0 (hè) + 13,5 (mặt đường 7,5 m + 6,0m giải phân cách mềm) + đường bờ sông Hùng Vương	1	192,0	8.800.000	1.689.600.000	lô góc
18	LK-08	02,03	Đường gom	4,0 (hè) + 13,5 (mặt đường 7,5 m + 6,0m giải phân cách mềm) + đường bờ sông Hùng Vương	2	200,0	8.000.000	1.600.000.000	
19	LK-09	01-05	Tuyến đường N1	4,0-7,5-4,0	5	500,0	7.000.000	3.500.000.000	

STT	Vị trí	Lô đất	Khu vực	Bề rộng Hè - Đường - Hè (m)	Số lô	Diện tích (m2)	Giá khởi điểm (đ/m2)	Thành tiền (đồng)	Ghi chú
21	LK-10	9	Tuyến đường N1	4,0-7,5-4,0	1	183,9	7.700.000	1.416.030.000	lô góc
22	LK-10	01-08	Tuyến đường N1	4,0-7,5-4,0	8	863,6	7.000.000	6.045.200.000	
Tổng					96	11.714,50		85.383.810.000	